

## **Năm 2026, Trường Đại học Ngoại ngữ bỏ xét tuyển IELTS kết hợp học bạ**

17:00 21/02/2026

Từ mùa tuyển sinh 2026, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội điều chỉnh phương thức tuyển sinh khi không còn xét tuyển học bạ và điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp IELTS, đồng thời tinh gọn tổ hợp xét tuyển và mở thêm ngành mới.

Theo đó, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS) năm 2026, áp dụng 3 phương thức tuyển sinh chính. So với năm trước, nhà trường chính thức dừng phương thức xét tuyển dựa trên học bạ và điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp với IELTS và các chứng chỉ quốc tế.

Cụ thể, ba phương thức tuyển sinh của trường gồm: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội; Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Và xét tuyển bằng điểm bài thi đánh giá năng lực (HSA) do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

| TT                                      | Tên chương trình đào tạo               | Tên ngành                      | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển                            | Học phí/tháng (dự kiến)    |
|-----------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|---------------------------------------------|----------------------------|
| Các chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ |                                        |                                |          |          |                                             |                            |
| 1                                       | Ngôn ngữ Anh                           | Ngôn ngữ Anh                   | 7220201  | 770      | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | 4.200.000đ                 |
| 2                                       | Ngôn ngữ Nga                           | Ngôn ngữ Nga                   | 7220202  | 70       | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D02, D42, D62 | 3.100.000đ                 |
| 3                                       | Ngôn ngữ Pháp                          | Ngôn ngữ Pháp                  | 7220203  | 150      | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D03, D44, D64 | 4.200.000đ                 |
| 4                                       | Ngôn ngữ Trung Quốc                    | Ngôn ngữ Trung Quốc            | 7220204  | 300      | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D04, D45, D65 | 4.200.000đ                 |
| 5                                       | Ngôn ngữ Đức                           | Ngôn ngữ Đức                   | 7220205  | 120      | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D05, D41, D61 | 4.200.000đ                 |
| 6                                       | Ngôn ngữ Nhật                          | Ngôn ngữ Nhật                  | 7220209  | 300      | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D06, D43, D63 | 4.200.000đ                 |
| 7                                       | Ngôn ngữ Hàn Quốc                      | Ngôn ngữ Hàn Quốc              | 7220210  | 280      | A01, D01, D07, D08, D14, D15, DD2, DH1, DH5 | 4.200.000đ                 |
| 8                                       | Ngôn ngữ Ả Rập                         | Ngôn ngữ Ả Rập                 | 7220211  | 60       | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | 3.100.000đ                 |
| 9                                       | Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia | Truyền thông quốc tế           | 7320107  | 50       | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | 3.100.000đ                 |
| 10                                      | Giảng dạy Tiếng Việt như một ngoại ngữ | Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam | 7220101  | 50       | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | 3.100.000đ                 |
| Các chương trình đào tạo ngành Sư phạm  |                                        |                                |          |          |                                             |                            |
| 11                                      | Sư phạm tiếng Anh                      | Sư phạm tiếng Anh              | 7140231  | 150      | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | Theo Quy định của Nhà nước |
| 12                                      | Sư phạm tiếng Trung Quốc               | Sư phạm tiếng Trung Quốc       | 7140234  | 25       | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D04, D45, D65 |                            |
| 13                                      | Sư phạm tiếng Đức                      | Sư phạm tiếng Đức              | 7140235  | 25       | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D05, D41, D61 |                            |
| 14                                      | Sư phạm tiếng Nhật                     | Sư phạm tiếng Nhật             | 7140236  | 25       | A01, D01, D07, D08, D14, D15, D06, D43, D63 |                            |
| 15                                      | Sư phạm tiếng Hàn Quốc                 | Sư phạm tiếng Hàn Quốc         | 7140237  | 25       | A01, D01, D07, D08, D14, D15, DD2, DH1, DH5 |                            |
| Chương trình đào tạo quốc tế            |                                        |                                |          |          |                                             |                            |
| 16                                      | Kinh tế - Tài chính                    | Kinh tế                        | 7310101  | 350      | A01, D01, D07, D08, D14, D15                | 6.700.000đ*                |

Các ngành đào tạo của ULIS năm 2026.

Như vậy, so với năm ngoái, ULIS không còn sử dụng kết quả học bạ, cũng như không áp dụng phương thức kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT với IELTS và các chứng chỉ quốc tế để tuyển sinh.

Bên cạnh việc điều chỉnh phương thức xét tuyển, số lượng tổ hợp xét tuyển của trường trong năm 2026 cũng được tinh giản đáng kể, từ 42 tổ hợp xuống còn 24 tổ hợp. Nhà trường tập trung vào các tổ hợp có các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học kết hợp với Toán và một môn Ngoại ngữ như tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Đức.

Về nguyên tắc tính điểm, môn Ngoại ngữ được nhân hệ số 2 ở tất cả các tổ hợp xét tuyển. Tổng điểm sau khi tính hệ số sẽ được quy đổi về thang điểm 30. Riêng việc quy đổi điểm từ các chứng chỉ quốc tế, nhà trường cho biết sẽ công bố cụ thể trong các thông báo tuyển sinh tiếp theo.

Theo kế hoạch, năm 2026, Trường Đại học Ngoại ngữ dự kiến tuyển sinh hơn 2.750 chỉ tiêu cho 16 ngành đào tạo, tăng khoảng 350 chỉ tiêu so với năm trước. Đồng thời, trường cũng mở thêm ngành Kinh tế - Tài chính theo chương trình quốc tế, nhằm đa dạng hóa lựa chọn ngành học cho thí sinh.

Thí sinh có thể xem đầy đủ Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS) tại đây.

**PV** (t/h)